

Phụ lục I

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP NGÀY 30/6/2026 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC GIAO DỊCH LIÊN KẾT CỦA NHỮNG DOANH NGHIỆP CÓ QUAN HỆ LIÊN KẾT

(Ban hành Kèm theo Công văn số /THO-NVDTPC ngày /7/2026)

1. Về nguyên tắc áp dụng (Điều 3)

Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc cơ quan thuế quản lý, kiểm tra đối với giá giao dịch liên kết dẫn chiếu theo nguyên tắc áp dụng trong quản lý thuế quy định tại khoản 4 Điều 6 và nguyên tắc kiểm tra thuế quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

2. Về giải thích từ ngữ (Điều 4)

Bổ sung, hoàn thiện giải thích từ ngữ “Công ty mẹ tối cao”, “Hiệp định thuế” theo hướng dẫn chiếu theo quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và Nghị định số 236/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết này. Đồng thời, hoàn thiện giải thích từ ngữ: “Giao dịch liên kết”, “Hồ sơ quốc gia”, “Hồ sơ toàn cầu”, “Tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống”.

Việc bổ sung, hoàn thiện các thuật ngữ này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất trong quá trình áp dụng thực hiện.

3. Về mối quan hệ liên kết (Điều 5)

3.1. Bổ sung mối quan hệ liên kết thông qua việc mượn, cho mượn tương tự như mối quan hệ liên kết vay, cho vay tại điểm 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định như sau: “Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay, mượn, cho mượn ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này;”.

Trước đây chưa quy định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp và cá nhân điều hành, kiểm soát hoặc cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định thông qua việc mượn, cho mượn. Việc bổ sung quy định này nhằm khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm việc xác định quan hệ liên kết đầy đủ, phản ánh đúng bản chất giao dịch và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

3.2. Bổ sung trường hợp không áp dụng mối quan hệ liên kết quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 5 Nghị định như sau: “Chủ nợ, bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ không tham gia trực tiếp, gián tiếp điều hành, kiểm soát góp vốn, đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại điểm a và điểm c khoản này.”.

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng nguyên tắc, bản chất về các bên có quan hệ liên kết.

4. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 17)

4.1. Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu thương mại dẫn chiếu theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

4.2. Bổ sung Cơ sở dữ liệu quốc gia được sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm mở rộng nguồn cơ sở dữ liệu tin cậy để người nộp thuế, cơ quan chức năng khai thác, sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

4.3. Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế dẫn chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

4.4. Bổ sung quy định về thứ tự ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu theo trình tự sau: **(i)** ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu được công bố công khai; **(ii)** rồi đến cơ sở dữ liệu thương mại; **(iii)** và cuối cùng là cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. Việc sử dụng thứ tự ưu tiên cơ sở dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết theo đúng quy định.

Trước đây, chưa quy định thứ tự sử dụng cơ sở dữ liệu. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu, qua đó giảm thiểu sự khác biệt trong việc lựa chọn và sử dụng cơ sở dữ liệu khi phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

5. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết (Điều 18)

5.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

5.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

5.3. Sửa đổi, bổ sung quy định đại diện người nộp thuế làm dịch vụ thủ tục về thuế lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết (sửa quy định “công ty kinh doanh làm thủ tục về thuế” thành “tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế”).

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

6. Về nội dung liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) (Điều 19)

6.1. Sửa đổi căn cứ xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu để xác định nghĩa vụ lập Báo cáo CbCR căn cứ theo doanh thu của năm tài chính liền kề trước năm báo cáo.

Trước đây, ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu được căn cứ theo doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế. Việc sửa đổi quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

6.2. Sửa đổi ngưỡng doanh thu lập Báo cáo CbCR theo mức tương đương từ 750 triệu Euro.

Trước đây, ngưỡng doanh thu lập Báo cáo CbCR là từ 18.000 tỷ đồng trở lên. Việc sửa đổi quy định này để phù hợp với biến động tỷ giá, đồng thời bảo đảm theo hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

6.3. Bổ sung quy định tỷ giá quy đổi tỷ giá của ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu thống nhất theo tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 năm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

6.4. Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **không** phải nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam

(i) Quy định rõ trường hợp người nộp thuế không phải nộp Báo cáo CbCR khi Báo cáo đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam theo Thỏa thuận của Nhà chức trách có thẩm quyền;

(ii) Sửa đổi, làm rõ quy định về trường hợp tổ chức thay mặt nộp Báo cáo CbCR theo hướng xác định đây là một trong các trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam không phải nộp Báo cáo CbCR; đồng thời điều chỉnh, làm rõ các điều kiện áp dụng cơ chế này;

(iii) Bổ sung trường hợp không phải nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam do sự khác biệt về ngưỡng doanh thu, đồng tiền quy đổi hoặc nguyên tắc xác định doanh thu giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

Trước đây, quy định chưa xác định đầy đủ các trường hợp không phải nộp Báo cáo CBCR tại Việt Nam và chưa có quy định về một số trường hợp ngoại lệ. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với hướng dẫn quốc tế, tăng tính minh bạch và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

6.5. Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **phải** nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam

(i) Bổ sung trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam phải nộp Báo cáo CbCR khi Công ty mẹ tối cao không có nghĩa vụ lập và nộp Báo cáo tại nước cư trú;

(ii) Bổ sung quy định đối với trường hợp không đáp ứng các điều kiện áp dụng cơ chế tổ chức thay mặt nộp Báo cáo CbCR, theo đó người nộp thuế tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR cho cơ quan thuế;

(ii) Sửa đổi quy định về trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp Báo cáo CBCR tại Việt Nam khi xảy ra tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống; đồng thời bổ sung điều kiện nghĩa vụ nộp Báo cáo chỉ phát sinh khi tình trạng này đã được thông báo cho người nộp thuế;

(iv) Bổ sung nguyên tắc người nộp thuế chỉ phải nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam khi Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về bảo mật thông tin, tính nhất quán và sử dụng thông tin đúng mục đích; đồng thời quy định trách nhiệm công khai việc đáp ứng các điều kiện này trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

Trước đây, chưa quy định đầy đủ về các trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ để xác định nghĩa vụ nộp Báo cáo CBCR tại Việt Nam, đồng thời bảo đảm người nộp thuế được tiếp cận đầy đủ thông tin và nâng cao tính minh bạch trong việc xác định nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR.

6.6. Bổ sung quy định về định dạng và phương thức nộp Báo cáo CbCR theo định dạng XML đã được mã hóa, nộp qua Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm thực hiện theo tiêu chuẩn của Hành động BEPS 13.

6.7. Bổ sung, hoàn thiện quy định về thời hạn nộp Báo cáo CbCR, về Thông báo đối tượng nộp Báo cáo CbCR

(i) Thời hạn nộp Báo cáo CBCR chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo.

(ii) Bổ sung quy định trách nhiệm của người nộp thuế tại Việt Nam khi được Công ty mẹ tối cao chỉ định là tổ chức thay mặt nộp Báo cáo CBCR, bao gồm trách nhiệm lập, nộp Báo cáo CBCR và gửi Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo CbCR kèm theo văn bản chỉ định cho cơ quan thuế;

(ii) Bổ sung mẫu Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo CbCR được nộp cho cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TB-BCLN ban hành kèm theo Nghị định.

(iv) Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo CbCR chỉ phải nộp một (01) lần khi lần đầu phát sinh nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo CbCR (kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành). Thời hạn nộp Thông báo chậm nhất là ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo. Trường hợp có thay đổi thông tin tại Thông báo đã nộp gần nhất, bao gồm cả trường hợp chấm dứt nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR, người nộp thuế có trách nhiệm nộp Thông báo để cập nhật thông tin cho cơ quan thuế chậm nhất chín mươi (90) ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Trước đây, chưa quy định thống nhất về mẫu Thông báo, nguyên tắc nộp một lần và cập nhật thông tin khi có thay đổi. Việc bổ sung, hoàn thiện quy định này nhằm chuẩn hóa nghĩa vụ thông báo liên quan đến Báo cáo CbCR, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

7. Về trường hợp miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết (điểm e khoản 2 Điều 20)

Điều chỉnh nâng ngưỡng doanh thu của người nộp thuế lên mức dưới 500 tỷ đồng, đồng thời bổ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” khi xác

định người nộp thuế thuộc đối tượng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

Trước đây, quy định miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết yêu cầu người nộp thuế phải đáp ứng đồng thời 04 tiêu chí ((i) kinh doanh với chức năng đơn giản; (ii) không phát sinh doanh thu, chi phí, sử dụng tài sản vô hình; (iii) có ngưỡng doanh thu dưới 200 tỷ đồng; (iv) đạt tỷ suất lợi nhuận thuần đối với từng lĩnh vực cụ thể). Việc nâng ngưỡng doanh thu, đồng thời bỏ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” nhằm mở rộng đối tượng người nộp thuế có rủi ro thấp về thuế được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, đơn giản hóa điều kiện áp dụng, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

8. Về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 21)

8.1. Bổ sung quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để điều chỉnh giá giao dịch liên kết (điểm c khoản 1 Điều 21)

Trước đây, quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để ấn định giá giao dịch liên kết. Việc bổ sung quy định này bảo đảm việc quản lý, sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế đúng mục đích nhằm phục vụ công tác quản lý rủi ro, trao đổi thông tin theo quy định và cam kết của Việt Nam tại Thỏa thuận quốc tế về thuế, không sử dụng để điều chỉnh hoặc ấn định giá giao dịch liên kết.

8.2. Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc quản lý tuân thủ và hỗ trợ người nộp thuế có giao dịch liên kết (khoản 10 Điều 21)

Hiện nay, công tác quản lý thuế đang có sự chuyển dịch mô hình từ "quản lý rủi ro" (tập trung vào phát hiện sai phạm, thanh tra xử phạt sau khi phát hiện sai phạm) sang mô hình "quản lý tuân thủ và hỗ trợ tuân thủ". Đây là mô hình lấy người nộp thuế làm trung tâm, cơ quan thuế đồng hành, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đúng nghĩa vụ. Do đó, Nghị định bổ sung quy định về hỗ trợ tuân thủ tự nguyện để phù hợp với xu hướng cải cách quản lý thuế hiện đại về tăng cường quản lý tuân thủ trên cơ sở quản lý rủi ro, nâng cao tính minh bạch và khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật thuế. Nội dung cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định như sau:

(i) Cơ quan thuế xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tự nguyện đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết trên cơ sở quản lý rủi ro, phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế và quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(ii) Cơ quan thuế căn cứ dữ liệu kê khai của người nộp thuế công bố tỷ suất lợi nhuận ngành theo từng lĩnh vực, địa bàn hoặc nhóm người nộp thuế để hỗ trợ người nộp thuế kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc giao dịch độc lập.

(iii) Cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ, giảm rủi ro trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết khi người nộp thuế tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện.

(iv) Cơ quan thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu do người nộp cung cấp khi tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện theo quy định của pháp luật.

9. Về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 22)

Sửa đổi tên một số Bộ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của một số Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp thông tin, tuyên truyền về quản lý nhà nước về thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; phối hợp cung cấp thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý quản lý chuyên ngành phục vụ công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của các đơn vị, tổ chức sau khi sáp nhập.

10. Về điều khoản chuyển tiếp (khoản 3 Điều 23)

Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được chuyển tiếp về chi phí lãi vay theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thì tiếp tục được chuyển tiếp cho thời gian còn lại theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP.

Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính liên tục trong thực hiện chính sách và bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.